

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **155** /2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 16 - 9 - 2020.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Phạm Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trưc Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trưc Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trưc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Đại chỉ: Xóm 15, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991.

Địa chỉ : Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951

Địa chỉ: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có mặt; anh Đ, ông T vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04/02/2020, bản tự khai nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 14 tháng 02 năm 2014 tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ không tu chí làm ăn, không chăm lo cho vợ con. Cuối năm 2019 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Xuân Trường. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/03/2015 và Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 04/3/2017. Hiện cả 02 con chung đều đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn T ngày 31/7/2020, bản tự khai của ông T ngày 19/8/2020 giấy xin ý kiến ngày 20/8/2020, ông T là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Gia đình ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án. Gia đình đã thông báo cho anh Đ biết việc chị H có đơn xin ly hôn với anh. Anh Đ hiện đang đi làm ở thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao thủy có gọi điện về nói với ông là việc ly hôn là việc của chị H, tùy vào quyết định của chị H. Quan điểm của gia đình ông vẫn mong muốn vợ chồng anh Đ, chị H quay về đoàn tụ. Nếu chị H quyết tâm ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: vợ chồng anh Đ, chị H có 02 con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/03/2015 và Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 04/3/2017. Hiện cháu B đang ở với chị H, cháu L đang ở với bố.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh Đ chị H sau khi kết hôn thì ở với bố mẹ chồng nên không có tài sản chung.

Công nợ chung: Vợ chồng anh Đ chị H có nhu cầu vay vốn Ngân hàng để làm ăn nhưng không có tài sản thế chấp nên đã nói với ông đem sổ đỏ đi thế chấp ngân hàng. Ông đã vay cho vợ chồng anh Đ nhiều lần. Tổng số tiền ông đã vay ngân hàng Agribank chi nhánh Trục Ninh là 130.000.000đ. Vợ chồng anh Đ chị H đã ký nhận trách nhiệm trả số tiền trên. Nếu vợ chồng anh Đ chị H ly hôn ông yêu cầu anh Đ, chị H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền 130.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ. Về con chung, sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại hai con

chung đang ở với chị. Tài sản chung, công nợ chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72; 73 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh Đ sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H về phần con chung. Giao chị Trần Thị H trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/03/2015 và Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 04/3/2017. Việc chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án chưa đủ để xem xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T. Ông T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác đối với yêu cầu nêu trên nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn T nhưng anh Đ và ông T không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72; 73 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho anh Đ nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của chị H, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Gia đình ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và đã thông báo cho anh Đ biết việc chị H có đơn xin ly hôn. Anh Đ có gọi điện về cho gia đình nói là việc ly hôn là việc của chị H, tùy theo quyết định của chị H. Anh Đ hiện đang đi làm ở dưới thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy. Quan điểm của gia đình ông vẫn mong muốn vợ chồng anh Đ, chị H quay về đoàn tụ. Nếu chị H quyết tâm ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh Đ đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Hiện tại hai con chung đang ở với chị H, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù được thông báo nhiều lần nhưng anh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung, hiện tại chị H đã đón cả hai con chung về ở cùng. Để đảm bảo việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho chị H có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên

được chấp nhận. Anh Đ có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, khoản nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh Đ nhiều lần được thông báo nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết tài sản, công nợ chung của vợ chồng nên không có căn cứ để giải quyết. Anh Đ có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật

[5] Về khoản nợ chung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, ông Nguyễn Văn T có yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho ông số tiền 130.000.000đ là số tiền ông thế chấp sổ đỏ vay vốn ngân hàng cho vợ chồng anh Đ, chị H. Ông T đã giao nộp một số tài liệu chứng cứ có liên quan đến yêu cầu của mình. TAND huyện Trục Ninh đã có thông báo cho ông T thực hiện thủ tục khởi kiện đối với yêu cầu của mình. Tuy nhiên, hết thời hạn do Tòa án ấn định, ông T không đến Tòa án thực hiện thủ tục khởi kiện và giao nộp đầy đủ chứng cứ. Vì vậy HĐXX thấy chưa có căn cứ để giải quyết đối với yêu cầu của ông T đối với phần công nợ chung của vợ chồng anh Đ, chị H.

Ông T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác đối với yêu cầu nêu trên nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/03/2015 và Nguyễn Thị Gia L, sinh ngày 04/3/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện cả hai con chung đều đang ở với chị H. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền

số AA/2017/0001443 ngày 04/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã V, huyện T;
- UBND xã X, huyện X;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà